

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../ 20...

Class: GE7

Tel: 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 7: UNIT 8 – ALL LIVING THINGS

VOCABULARY 2

A. VOCABULARY

| No | New words | Meaning | No | New words | Meaning |
|-----|---|----------------------|-----|--|--------------------------|
| 1 | inherit (v) /ɪnˈherɪt/ | thừa hưởng | 21 | dab (v) /dæb/ | vỗ nhẹ |
| 2 | meat-eating (adj) | (động vật) ăn thịt | 22 | a bucket of /'bʌkɪt/ | một xô |
| 3* | due to /djuː/ | do, bởi vì | 23 | stable (n) /'steɪbl/ | chuồng ngựa |
| 4* | be in danger /'deɪndʒər/ | lâm nguy | 24* | broadly (adv) /'brɔːdli/ | rộng rãi |
| 5* | habitat (n) /'hæbɪtæt/ | môi trường sống | 25* | stroke (v) /strəʊk/ | vuốt ve |
| 6 | instinctive (adj) = natural /ɪnˈstɪŋktɪv/ | theo bản năng | 26 | get along = get on well (phr.v) | thân thiết |
| 7* | Arctic (adj) /'ɑːktɪk/ | (thuộc) Bắc cực | 27 | rhyme (v) /raɪm/ | có vần (với nhau) |
| 8* | coastal (adj) /'kəʊstl/ | (thuộc) bờ biển | 28* | obstinate (adj) /'ɒbstɪnət/ | ngoan cố, khó bảo |
| 9* | paw (n) /pɔː/ | chân (có móng, vuốt) | 29 | be frightened of /'fraɪtnd/ | sợ, hoảng sợ |
| 10* | starve (v) /stɑːv/ | nhịn đói | 30 | climate change /'klaɪmət/ | biến đổi khí hậu |
| 11* | survive (v) /səˈvaɪv/ | sống sót | 31* | raw (skin) (adj) /rɔː/ | da bị mẫn cảm |
| 12 | cub (n) /kʌb/ | động vật khi còn nhỏ | 32 | hay = dry grass (n) /heɪ/ | cỏ khô |
| 13 | value (v) /'væljuː/ | quý, coi trọng | 33 | fiction (n) /'fɪkʃn/ | điều tưởng tượng |
| 14* | a bond of /bɒnd/ | mối ràng buộc của | 34* | appearance (n) /əˈpiərəns/ | ngoại hình |
| 15 | affection (n) /əˈfekʃn/ | tình cảm | 35 | cavalry (n) /'kævlrɪ/ | kỵ binh |
| 16 | sense (n) /sens/ | cảm giác | 36* | feature (v) /'fi:tʃə(r)/ | mô tả những nét đặc biệt |
| 17* | narrative (adj) /'nærətɪv/ | tự sự, kể chuyện | 37* | attitude to (n) /'ætɪtjuːd/ | thái độ đối với |

| | | | | | |
|-----|---|---------------|----|---|----------------------|
| 18 | intrigued (adj) /ɪn'tri:gd/ = very interested | rất thích thú | 38 | at the heart of = in the center of | ở trung tâm/giữa của |
| 19* | no harm /hɑ:m/ | không làm hại | 39 | estate (n) /i'steɪt/ | tài sản |
| 20 | at once | ngay lập tức | 40 | drought (n) /draʊt/ | hạn hán |

* Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ

phr.v = phrasal verb : cụm động từ; adv = adverb: trạng từ

* Những từ có ký hiệu * thì có 2 cách đọc

* Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chính phát âm theo từ điển.

B. HOMEWORK

*Note: DO NOT apply short forms (contractions) in sentences. Use “was not/ do not/ have not...” instead of “wasn’t/ don’t/ haven’t...”

I. Choose the correct answer by circling A, B, or C

0. Don't turn off the light. Mary is _____ of the dark.

(A) frightened

B. obstinate

C. narrative

1. She will _____ her father's estate (tài sản) when she is 21.

A. feature

B. inherit

C. dab

2. I have always _____ her advice.

A. valued

B. rhymed

C. stroked

3. His _____ has changed much in the past five years. He looks more mature.

A. hay

B. cub

C. appearance

4. I don't _____ with my sister. We have nothing in common.

A. survive

B. get along

C. feature

5. Millions people in Africa _____ to death during the long drought (hạn hán) last year.

A. dabbed

B. inherited

C. starved

6. The bus was delayed _____ the heavy snow.

A. due to

B. no harm

C. attitude to

II. Circle the word that has the underlined part pronounced differently

0. A. inherit B. habitat C. climate D. fiction
1. A. climate B. dab C. affection D. appearance
2. A. danger B. covered C. featherer D. bucket
3. A. paw B. raw C. waterproof D. value
4. A. intrigued B. Arctic C. attitude D. narrative

III. Match the words given in the box with their definitions

| | |
|-------------------|--|
| 0. affection | a. a feeling of liking for a person or a place. |
| 1. climate change | b. a building in which horses are kept. |
| 2. appearance | c. to receive money, house,.. from someone after they died. |
| 3. inherit | d. the way that somebody/something looks on the outside. |
| 4. stable | e. the natural environment in which an animal or plant usually lives. |
| 5. habitat | f. changes in the world's weather, in particular the fact that it is believed to be getting warmer as a result of human activity increasing the level of carbon dioxide in the atmosphere. |

| | | | | | |
|-------|-----|-----|-----|-----|-----|
| 0 - a | 1 - | 2 - | 3 - | 4 - | 5 - |
|-------|-----|-----|-----|-----|-----|

IV. Choose new words in Vocabulary part and make sentences

0. _____ You have to call him at once _____.
1. _____.
2. _____.
3. _____.
4. _____.
5. _____.

Test 2

PAPER 1 READING AND WRITING TEST (1 hour 30 minutes)

READING

Part 1

Questions 1–5

Look at the text in each question.

What does it say?

Mark the correct letter **A**, **B** or **C** on your answer sheet.

Example:

0

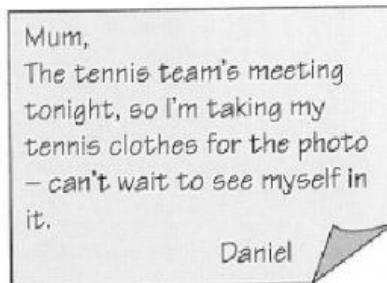


- A** Buy three films for the price of two.
- B** Get a free film with every one you buy.
- C** Films bought here are printed free.

Answer:

| | | | |
|---|--|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 0 | <input checked="" type="checkbox"/> A | <input type="checkbox"/> B | <input type="checkbox"/> C |
|---|--|-----------------------------------|-----------------------------------|

1



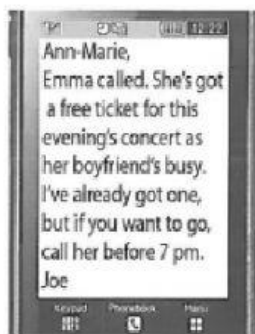
- A** Daniel is having his photo taken with the tennis team tonight.
- B** Daniel needs his tennis clothes to play in a match tonight.
- C** Daniel is taking a photo of the rest of the tennis team tonight.

2



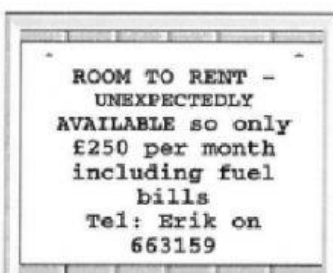
- A Please come downstairs and try our recently improved restaurant.
- B The restaurant will reopen when the improvements are finished.
- C You can only eat in one part of the restaurant at the moment.

3



- A Joe and Emma should decide whether they want the spare ticket.
- B If Ann-Marie is free, she could go to the same concert as Joe tonight.
- C Ann-Marie phoned to offer Emma her ticket to a concert.

4



- A People renting this room should expect to pay extra for gas and electricity.
- B The rent for this room is reduced to £250 plus bills.
- C This room is cheap to rent as it was not expected to be empty.

5



- In this email, Maria wants to**
- A explain why she hasn't contacted Sarah Smith before.
 - B tell Sarah Smith how much her English has improved.
 - C thank Sarah Smith for her English classes in Spain.

WRITING

Part 1

Questions 1–5

Here are some sentences about getting a job.

For each question, complete the second sentence so that it means the same as the first.

Use no more than three words.

Write only the missing words on your answer sheet.

You may use this page for any rough work.

Example:

0 There are some advertisements for jobs in the local newspaper.

The local newspaper some advertisements for jobs.

Answer:

0

has

1 Filling in a job application form doesn't take you long.

It doesn't take you long in a job application form.

2 At a job interview they will want to know what jobs you have done before.

At a job interview they will ask, 'What jobs before?'

3 It's important to arrive at work on time.

It's important late for work.

4 Some people like working outdoors more than working inside.

Some people working outdoors to working inside.

5 At some firms, staff are given free uniforms.

Some firms their staff free uniforms.